

# XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ PHÂN TÍCH TÍNH BỀN VỮNG CỦA MÔ HÌNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở VIỆT NAM

**Ths. Ngô Thanh Mai, PGS.TS. Lê Thu Hoa**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: thanhmai\_ngo@yahoo.com*

*Quản lý Chất thải rắn sinh hoạt (QLCTRS) dựa vào cộng đồng đã hình thành ở Việt Nam trong khoảng 15 năm trở lại đây. Tuy bước đầu đã có một số thành công nhưng vẫn cần được đánh giá, phân tích một cách toàn diện theo các tiêu chí bền vững. Trên cơ sở một quy trình xây dựng tiêu chí phân tích được đề xuất gồm các bước: xác định mục tiêu, lựa chọn khung lý thuyết, xác định các khía cạnh và tiêu chí, các tác giả đề xuất một ma trận các tiêu chí theo 4 khía cạnh môi trường, kinh tế, xã hội và thể chế/quản lý, làm căn cứ cho việc phân tích các mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng trên thực tế tại Việt Nam; từ đó đề xuất các giải pháp xây dựng và vận hành mô hình theo hướng bền vững*

**Từ khóa:** chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải dựa vào cộng đồng, quản lý chất thải rắn đô thị bền vững

## **1. Giới thiệu**

Quản lý dựa vào cộng đồng là mô hình quản lý môi trường đang được đón nhận ở nhiều quốc gia. Trong 20 năm qua, cách tiếp cận này ngày càng trở nên phổ biến với kỳ vọng sẽ dung hòa các vấn đề phát triển và bảo vệ môi trường. Về bản chất, quản lý dựa vào cộng đồng là *các thành viên trong cộng đồng hoặc đại diện của họ có trách nhiệm, có quyền lực quyết định làm cái gì, thực hiện như thế nào để đem lại lợi ích cho các thành viên trong cộng đồng*. Đây cũng là một sự lựa chọn mới ngoài cách tiếp cận quản lý môi trường tập trung (top-down) vốn đã bộc lộ nhiều hạn chế.

Trong thời gian qua, có khá nhiều nghiên cứu đã tổng kết những thành công và thất bại khi mô hình quản lý cộng đồng được áp dụng ở 50 quốc gia. Tuy nhiên, rất ít các nghiên cứu quan tâm đến việc xây dựng các tiêu chí để đánh giá tính bền vững của mô hình này ở cấp độ cộng đồng. Trong bối cảnh thế giới đang hướng tới cách thức quản lý có sự tham gia của cộng đồng thì những tiêu chí này là hết sức cần thiết để cung cấp thông tin cho các nhà chính sách.

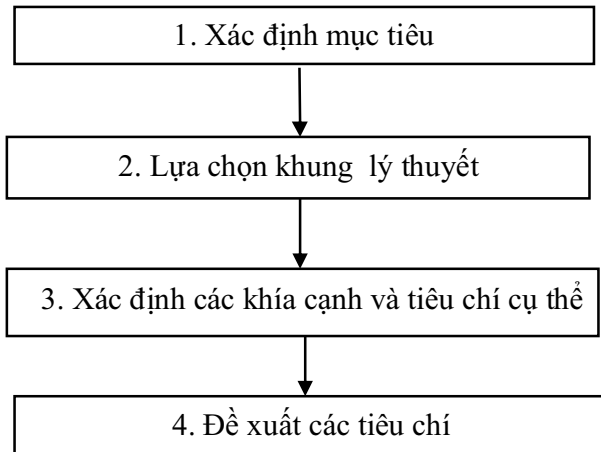
Ở Việt Nam, mô hình quản lý cộng đồng đã và đang được áp dụng trong bảo vệ tài nguyên rừng và quản lý chất thải rắn (QLCTR), đặc biệt là chất thải

rắn sinh hoạt (CTRS). Đây là hướng đi đúng đắn, phù hợp với chủ trương xã hội hóa và trao quyền; đồng thời cũng làm giảm gánh nặng về nhân lực và tài chính cho Chính phủ. Cho đến nay, có một số ít nghiên cứu tìm hiểu mô hình quản lý này ở Việt Nam. Hầu hết các nghiên cứu mới dừng lại ở mức độ đánh giá sơ lược về hiện trạng của mô hình, mà chưa được hiểu được tính động, sự thay đổi trong hệ thống quản lý để đề xuất các giải pháp nhằm vận hành mô hình một cách thành công và bền vững.

Xuất phát từ khoảng trống về lý thuyết và sự cần thiết trên thực tế, nghiên cứu này nhằm mục tiêu xây dựng tiêu chí để phân tích tính bền vững của mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng ở Việt Nam. Tiêu chí được sử dụng như một công cụ để thiết lập mục tiêu quản lý, phân tích và đánh giá quá trình vận hành của mô hình. Các tiêu chí được kỳ vọng đo lường những thay đổi trong mô hình, đưa ra những cảnh báo sớm để ngăn ngừa những thiệt hại về kinh tế, xã hội và môi trường. Việc sử dụng tiêu chí trong mô hình quản lý là một cách thức để hướng tới sự bền vững.

**2. Quy trình xây dựng tiêu chí phân tích tính bền vững của mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng tại Việt Nam**

**Hình 1. Quy trình xây dựng tiêu chí phân tích mô hình QLCTRSH**



(Nguồn: Đề xuất của tác giả)

Cách tiếp cận chính thể luận (holistic approach) được nhóm tác giả sử dụng để xây dựng tiêu chí phân tích tính bền vững của mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng ở Việt Nam. Toàn bộ quy trình xây dựng tiêu chí được thể hiện trong hình 1.

#### **Xác định mục tiêu xây dựng tiêu chí**

Quá trình xây dựng tiêu chí được bắt đầu bằng việc xác định mục tiêu. Trong bối cảnh nghiên cứu, các tiêu chí được xây dựng nhằm phân tích tính bền vững của mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng.

#### **Khung lý thuyết để xây dựng các tiêu chí**

Sau khi xác định mục tiêu, 2 khung lý thuyết được tác giả lựa chọn, bao gồm: (1) Lý thuyết về QLCTR bền vững ở đô thị, và (2) Lý thuyết về hành vi tập thể. Lý thuyết về QLCTR đô thị bền vững cung cấp nền tảng về mục tiêu, các khía cạnh để đạt được tính bền vững cho hệ thống QLCTR nói chung và QLCTRSH nói riêng. Lý thuyết về hành động tập thể làm sáng tỏ cách thức tổ chức và cung ứng HHCC, cụ thể là hàng hóa dịch vụ CTRSH trong phạm vi cộng đồng. Do vậy, việc tích hợp 2 cơ sở lý thuyết sẽ giúp tác giả xây dựng các tiêu chí để phân tích mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng.

#### **Lý thuyết về quản lý chất thải rắn đô thị bền vững**

QLCTR là một nhiệm vụ phức tạp, phụ thuộc nhiều vào sự hợp tác giữa khu vực chính phủ, khu vực tư nhân và khu vực cộng đồng. Ở các đô thị đang phát triển, QLCTR càng trở nên khó khăn bởi khối lượng chất thải lớn, trong khi nguồn lực của chính quyền là có hạn. Tại các khu vực ven đô, mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng được áp dụng để giảm gánh nặng cho khu vực Nhà nước và phát

huy những sáng kiến của cộng đồng.

Theo Peter Schübeler (1996), hệ thống QLCTR đô thị cần đạt được 4 mục tiêu căn bản như sau:

*Thứ nhất*, QLCTR đô thị nhằm mục tiêu cải thiện chất lượng môi trường bằng cách kiểm soát ô nhiễm, hạn chế những tác động tiềm ẩn của CTR đến các thành phần môi trường.

*Thứ hai*, hệ thống QLCTR đô thị cần bảo vệ sức khỏe người dân đô thị, đặc biệt là đối với người nghèo/người có thu nhập thấp không được thụ hưởng dịch vụ QLCTR như các khu vực khác.

*Thứ ba*, hệ thống QLCTR đô thị hỗ trợ phát triển kinh tế đô thị bằng cách cung ứng các dịch vụ QLCTR phù hợp với nhu cầu và hiệu quả sử dụng.

*Thứ tư*, QLCTR đô thị phải hướng tới mục tiêu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân đô thị.

Để đạt được các mục tiêu trên, hệ thống QLCTR đô thị cần phải được thiết kế một cách bền vững. Tính bền vững của QLCTR đô thị ngụ ý rằng: hệ thống cần phải được thiết kế phù hợp với điều kiện địa phương, khả thi trên các góc độ: kinh tế, xã hội, môi trường và quản lý. Hệ thống đó cần có khả năng tự duy trì lâu dài mà không làm cạn kiệt các nguồn lực trong đô thị.

Hệ thống QLCTR đô thị bền vững cần thiết phải hình thành các mục tiêu cụ thể và đưa ra các giải pháp thực thi phù hợp trong bối cảnh xem xét đầy đủ các nguồn lực/điều kiện của hệ thống. Để đạt được tính bền vững, hệ thống đó cần thực thi đầy đủ các nguyên tắc nêu trong bảng 1.

#### **Lý thuyết về hành động tập thể**

Trong cuốn sách ‘Sự logic của hành động tập thể’ (The Logic of Collective Actions), Mancur Olson (1965) đã cho rằng: khi cung ứng hàng hóa tập thể, các cá nhân sẽ có động lực rất lớn để trở thành ‘người ăn theo’ dựa trên những nỗ lực của cá nhân khác. Một điều hiển nhiên là nếu tất cả mọi người đều có hành động như vậy, sẽ chẳng có ai cung cấp hàng hóa công cộng (HHCC). Olson cũng khẳng định: nếu tập thể đó không có những đặc tính nổi bật thì việc cung cấp HHCC gần như là thất bại. Và ngược lại, nếu các cộng đồng có thể cung ứng được HHCC thì họ sẽ phải khắc phục được vấn đề “người ăn theo”.

Hardin đã phát triển lý thuyết của Olson với những đóng góp đáng kể. Thông qua một ví dụ mang tính thực nghiệm là trò chơi về tình thế khó xử của tù nhân, Hardin (1968) đã cho rằng các cá nhân có thể hợp tác với nhau để gia tăng lợi ích chung. Liên quan đến dịch vụ QLCTRSH, Hardin kết luận rằng

**Bảng 1: Các nguyên tắc về tính bền vững của mô hình QLCTR đô thị**

<b>Nguyên tắc về môi trường</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tối thiểu hóa ảnh hưởng tiêu cực đến các thành phần môi trường</li> <li>2. Tăng cường khả năng tái chế/tái sử dụng CTR theo cách thức phù hợp</li> </ol>
<b>Nguyên tắc về kinh tế</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lượng hóa đầy đủ các chi phí và lợi ích với sự tham vấn đầy đủ ý kiến của các chuyên gia.</li> <li>2. Tính toán tổng chi phí, chi phí/tấn CTR được thu gom, vận chuyển hoặc xử lý</li> <li>3. Thiết lập mức phí phù hợp và công bằng cho mọi thành viên trong cộng đồng.</li> </ol>
<b>Nguyên tắc về xã hội</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người sử dụng dịch vụ phải tham gia các hoạt động QLCTR</li> <li>2. Các dịch vụ cung ứng phải làm thỏa mãn, hài lòng người sử dụng</li> <li>3. Tối đa khả năng tạo việc làm trong cộng đồng</li> </ol>
<b>Nguyên tắc về thể chế</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tồn tại khung pháp lý hỗ trợ hoạt động của mô hình QLCTR</li> <li>2. Quy định rõ quyền/trách nhiệm của các bên liên quan</li> <li>3. Tạo cơ chế để các bên liên quan có thể tham gia đầy đủ, công bằng trong mô hình quản lý</li> </ol>

(Nguồn: Peter Schübeler, 1996, 'Conceptual Framework for Municipal Solid Waste Management in Low-income Country')

các hoạt động cộng đồng là điều kiện cần thiết để đạt một giải pháp đáng mong muốn cho vấn đề QLCTR. Vì vậy, cộng đồng ở những khu vực không có khả năng tiếp cận với dịch vụ công sẽ phải tự hợp tác và tham gia vào một hệ thống thu gom, xử lý rác thải để tối thiểu hóa chi phí (chi phí về ô nhiễm môi trường, chi phí sức khỏe...). Hệ thống thu gom CTR của cộng đồng có thể bao gồm cả việc thu gom chất thải từ khu vực công cộng, tư nhân và hộ gia đình. Hệ thống này đòi hỏi sự tham gia của mọi cư dân/hộ gia đình khi họ mang rác đến điểm tập trung hoặc đợi kêng rác đến. Sự tham gia như vậy thể hiện sự đóng góp tự nguyện của các thành viên trong cộng đồng.

Kế thừa và tiếp tục phát triển các nghiên cứu của Olson và Hardin, Ostrom (1992) đã đề xuất 6 nguyên tắc để tổ chức hoạt động của cộng đồng một cách lâu dài và hiệu quả. Đây là các nguyên tắc cơ bản và được coi như là "một yếu tố hoặc điều kiện đem lại sự thành công cho các thể chế nhằm duy trì sự tuân thủ của người sử dụng".

#### Nguyên tắc 1. Xác định ranh giới của cộng đồng

Ostrom (1992) chỉ ra rằng việc xác định rõ ranh giới của các nguồn tài nguyên sở hữu chung và cụ thể hóa người có quyền sử dụng được coi là bước đầu tiên trong tổ chức quản lý tài nguyên này. Nếu các ranh giới không được xác định rõ ràng thì không ai

biết cái gì đang được quản lý và quản lý cho ai. Liên quan đến việc cung cấp dịch vụ QLCTRSH, khái niệm về cộng đồng phải được xác định một cách rõ ràng dựa vào ranh giới hành chính hoặc phạm vi thu phí đối với người sử dụng. Người thu gom CTRSH sẽ quen thuộc với các hộ gia đình và xác định rõ phạm vi cung cấp dịch vụ. Vì vậy, họ có thể loại trừ cư dân từ cộng đồng khác tới thụ hưởng dịch vụ QLCTRSH mà không đóng góp cho hệ thống.

#### Nguyên tắc 2. Cân bằng giữa lợi ích và chi phí

Nguyên tắc này gợi ý rằng phí sử dụng dịch vụ thu gom CTRSH phải tương ứng với khối lượng chất thải mà hộ gia đình tạo ra. Điều đó có nghĩa là các cá nhân/ hộ gia đình tạo ra nhiều chất thải sẽ phải trả phí nhiều hơn. Nếu hộ gia đình thải ra 2 túi rác, họ sẽ phải nộp mức phí cao gấp 2 lần so với hộ chỉ thải ra 1 túi rác. Tương tự, mức phí có thể thu dựa trên số nhân khẩu trong từng gia đình.

Tuy nhiên, lợi ích và chi phí cần phải được mở rộng dưới góc độ của người sử dụng và cung cấp dịch vụ. Đối với người sử dụng dịch vụ, cân bằng lợi ích – chi phí còn được hiểu là sự cân bằng giữa lợi ích mà họ nhận được từ sử dụng dịch vụ QLCTRSH với mức phí mà họ phải nộp. Đối với người cung cấp dịch vụ, lợi ích và chi phí được cân bằng khi khoản tiền dịch vụ mà họ thu về đủ để bù

đắp chi phí mà họ bỏ ra khi cung cấp dịch vụ đó. Đảm bảo nguyên tắc này sẽ tạo được động lực cho nhà cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ CTRSH. Qua đó, sự bền vững về tài chính trong mô hình sẽ được duy trì.

#### Nguyên tắc 3. Lựa chọn tập thể

Các thành viên cộng đồng được phép và được khuyến khích tham gia thảo luận về hệ thống QLCTRS, cung cấp thông tin đầu vào cho các tổ chức quản lý và kêu gọi sự chú ý của các tổ chức này.

#### Nguyên tắc 4. Theo dõi/ Giám sát

Các cư dân trong cộng đồng cần có năng lực theo dõi/ giám sát hoạt động của các tổ chức CBO trong việc cung cấp dịch vụ cũng như theo dõi/ giám sát hành vi của các cư dân khác trong cộng đồng. Khi một cư dân trong cộng đồng chứng kiến các cư dân khác đổ chất thải không đúng thời gian và địa điểm, họ cần thông báo cho CBO để có biện pháp đối với hành động của cư dân đó.

#### Nguyên tắc 5 – Chế tài

Các cư dân có thể phải đối mặt với các biện pháp trừng phạt nếu họ không nộp phí sử dụng dịch vụ CTRSH hoặc có những hành động không tuân thủ các quy định của cộng đồng. Tương tự, các cá nhân không tham gia vào hệ thống có thể bị loại trừ ra khỏi các hoạt động của cộng đồng. Chế tài xử phạt có thể khuyến khích các thành viên cộng đồng tuân thủ chặt chẽ các quy định trong cộng đồng.

#### Nguyên tắc 6 – Quyền được tổ chức

Các cộng đồng được phép xây dựng thể chế và hệ thống QLCTR của họ mà không phải đối mặt với sự tham gia/can thiệp thái quá của chính phủ.

Mặc dù đã được đưa ra trong một khoảng thời gian khá dài, nhưng các nguyên tắc về một cơ chế tự tổ chức vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực QLCTRS. Các nguyên tắc này có thể được sử dụng như là những căn cứ để đánh giá tính bền vững về mặt thể chế cho mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng.

#### ***Xây dựng các lĩnh vực và tiêu chí***

*Các tiêu chí được đề xuất dựa trên khung lý thuyết:*

Dựa trên khung lý thuyết ở bước 2, 04 nhóm tiêu chí được xác định, cụ thể: nhóm tiêu chí về khía cạnh Môi trường, Kinh tế, Xã hội và Quản lý/thể chế. Đây là 4 khía cạnh được lựa chọn căn cứ vào 4 mục tiêu mà Lý thuyết QLCTR đô thị bền vững đưa ra. Với từng khía cạnh, các tiêu chí được xác

định cụ thể như sau:

*Khía cạnh Môi trường:* Nguyên tắc của Lý thuyết QLCTR đô thị bền vững đã chỉ rõ: mô hình QLCTR hiệu quả phải tối thiểu hóa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, tăng cường khả năng tái chế và tái sử dụng chất thải. Nguyên tắc này sẽ được cụ thể hóa bằng 02 tiêu chí: (1) Tỷ lệ thu gom CTRSH và (2) Tỷ lệ tái chế. Tỷ lệ thu gom cao sẽ hạn chế CTRSH tồn đọng trong môi trường, có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước và không khí. Tỷ lệ tái sử dụng/tái chế chất thải cao sẽ làm giảm khối lượng CTR phải thu gom/chôn lấp, từ đó hạn chế tác động tiêu cực đến nguồn nước ngầm và môi trường không khí. Ngoài ra, 02 tiêu chí về nhận thức của hộ gia đình về tầm quan trọng của QLCTRS và tác động tiềm ẩn của CTRSH đến môi trường được bổ sung. Lý do là có khá nhiều nghiên cứu cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa hành vi và ý thức của hộ gia đình trong lĩnh vực môi trường. Nếu hộ gia đình nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của QLCTRS, họ sẽ thay đổi hành vi theo hướng tích cực bằng cách chủ động tham gia vào các hoạt động quản lý này.

*Khía cạnh Kinh tế:* Để mô hình QLCTRS có thể vận hành một cách lâu dài thì các chi phí và doanh thu phải được tính toán đầy đủ và cụ thể. Nguyên tắc này được cụ thể hóa bằng các tiêu chí: (1) Chi phí thu gom trên một tấn CTRSH; và (2) Doanh thu từ hoạt động thu gom. (3) Riêng tiêu chí ‘tỷ lệ thu hồi chi phí’ được chiết xuất từ nguyên tắc thứ 2 ‘cân bằng lợi ích và chi phí’ của Ostrom. Tiêu chí này nhằm xác định tính bền vững về tài chính của nhà cung cấp dịch vụ.

*Khía cạnh Xã hội:* Các nguyên tắc cụ thể về sự tham gia của người sử dụng dịch vụ; sự hài lòng về dịch vụ CTRSH và khả năng tạo việc làm được cụ thể hóa bằng 3 tiêu chí: (1) Chất lượng dịch vụ quản lý CTRSH; (2) Tỷ lệ hộ gia đình thụ hưởng dịch vụ và (3) Cơ hội việc làm cho người dân địa phương.

*Khía cạnh Quản lý/ Thể chế:* Tiêu chí đầu tiên gắn liền với nguyên tắc đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm rõ ràng giữa các bên liên quan trong Lý thuyết QLCTR đô thị bền vững. Nguyên tắc này được gắn với tiêu chí ‘minh bạch’. Các tiêu chí còn lại được kết nối với các nguyên tắc xây dựng và vận hành mô hình cộng đồng mà Ostrom đã đưa ra. Cụ thể nguyên tắc giám sát/ chế tài được cụ thể hóa bằng văn bản có điều khoản cho phép hộ gia đình được quyền giám sát và phản ánh chất lượng dịch vụ QLCTRS tới CBO hoặc các điều khoản phạt các hộ gia đình nếu họ không tuân thủ các quy định

**Bảng 2. Các tiêu chí phân tích tính bền vững của mô hình QLCTRSH ở Việt Nam**

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí	Định nghĩa
Môi trường	1. Tỷ lệ CTRSH được thu gom	Tỷ lệ giữa khối lượng CTRSH được thu gom với tổng lượng CTRSH phát sinh
	2. Tỷ lệ chất thải được tái chế/ tái sử dụng	Tỷ lệ giữa khối lượng CTRSH được tái chế/ tái sử dụng so với tổng lượng CTRSH phát sinh
	3. Nhận thức của cộng đồng về các vấn đề môi trường	Nhận thức của người dân đối với các vấn đề môi trường ở địa phương, đặc biệt là tầm quan trọng của hoạt động QLCTRSH
	4. Nhận thức của người dân về những tác động tiêu cực/ tiềm ẩn của CTRSH	Mức độ quan tâm của người dân địa phương về tác động tiềm ẩn của CTRSH
Kinh tế	1. Chi phí quản lý CTRSH	Bao gồm: (1) Các chi phí đầu tư của hệ thống cho việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; (2) Chi phí hoạt động bao gồm: điện, nước, vật tư, lao động, chi phí quản lý...
	2. Chi phí quản lý trên 1 tấn CTRSH	Tỷ lệ giữa tổng chi phí (thu gom, vận chuyển, xử lý) với khối lượng CTRSH được quản lý
	3. Doanh thu	Khoản thu phí vệ sinh từ hộ gia đình và các khoản thu do bán sản phẩm (như phân compost, chứng chỉ carbon...)
	4. Tỷ lệ thu phí	Tỷ lệ % số người đóng phí so với tổng số người được hưởng dịch vụ quản lý CTRSH
	5. Tỷ lệ thu hồi chi phí	Tỷ lệ phần trăm của doanh thu so với tổng chi phí
	6. Chi phí sức khỏe của cộng đồng	Chi phí khám chữa bệnh và các chi phí cơ hội liên quan đến các loại bệnh do ô nhiễm môi trường
	7. Chi phí môi trường	Chi phí liên quan đến duy trì chất lượng và chức năng của môi trường
Xã hội	1. Chất lượng dịch vụ quản lý CTRSH	Sự hài lòng và/ hoặc sẵn lòng chi trả của người dân địa phương với dịch vụ
	2. Tỷ lệ hưởng dịch vụ	Tỷ lệ % số hộ được hưởng dịch vụ quản lý CTRSH so với tổng số hộ gia đình trên địa bàn
	3. Cơ hội việc làm cho người dân địa phương	Tỷ lệ người dân địa phương tham gia lao động tại đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý CTRSH
Quản lý	1. Tính minh bạch	Sự rõ ràng về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên liên quan
	2. Giám sát	Cơ chế giám sát được thể hiện bằng văn bản trong đó có điều khoản cho phép hộ gia đình có quyền phản ánh chất lượng cung cấp dịch vụ CTRSH tới CBO
	3. Chế tài	Chế tài được phản ánh bằng văn bản cam kết giữa hộ gia đình và nhà cung cấp dịch vụ, trong đó có điều khoản phạt các hộ gia đình nếu không nộp phí hoặc không tuân thủ các quy định QLCTRSH.
	4. Sự sẵn lòng tham gia vào hệ thống	Sự hài lòng/ sẵn lòng tham gia của các bên liên quan trong quá trình quản lý CTRSH
	5. Tính hợp tác trong quản lý	Sự sẵn lòng hợp tác, hỗ trợ trong quản lý của các bên liên quan

quản lý.

Các tiêu chí được lựa chọn bằng kỹ thuật Delphi

Sau khi thiết lập, quy trình lựa chọn và đánh giá các tiêu chí được thực hiện bằng cách sử dụng kỹ thuật Delphi. Kỹ thuật Delphi được sử dụng khá phổ biến để dự báo thông qua sự đồng thuận của các

chuyên gia. Kỹ thuật Delphi có tính vô danh và tính phản hồi. Để bảo đảm rằng mỗi chuyên gia sẽ đưa ra dự báo tốt nhất của họ, dự báo sẽ được tổng hợp thông qua bảng câu hỏi. Các chuyên gia được lựa chọn như sau: (1) danh sách các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý môi trường dựa vào cộng đồng và

lĩnh vực QLCTR được thành lập theo nguyên tắc ‘quả bóng tuyết’ (snowball). Trước hết, có 5 chuyên gia trong nước được lựa chọn để hỏi tên/công trình của các chuyên gia khác trong lĩnh vực này. Nhóm nghiên cứu tiếp tục kiểm tra chéo bằng cách xem xét các công trình nghiên cứu/bài báo của những chuyên gia này. Kết quả kiểm tra 2 lần cho thấy có 20 chuyên gia được lựa chọn và tham vấn ý kiến.

Vòng tham vấn đầu tiên, bảng hỏi được gửi đến các chuyên gia qua email. Cấu trúc bảng hỏi gồm 2 phần lớn. Một là, phần đánh giá của các chuyên gia đối với các tiêu chí đã đề xuất dựa vào khung lý thuyết. Ý kiến đánh giá được cho theo điểm với các mức từ 1 đến 5 điểm, tương ứng là rất không đồng ý, không đồng ý, đồng ý, rất đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Các tiêu chí có điểm trung bình 3,5 trở lên được lựa chọn cho vòng phỏng vấn thứ 2. Hai là, phần bổ sung các tiêu chí của chuyên gia hoặc các ý kiến đóng góp. Kết quả tham vấn lần đầu nhận được phản hồi của 12 chuyên gia (60%).

Vòng tham vấn tiếp theo được thực hiện tương tự. Số lượng các chuyên gia được tham vấn qua email là 12, số phiếu trả lời là 9 phiếu (khoảng 70%).

#### **Đề xuất các tiêu chí**

Sau 2 vòng tham vấn ý kiến của các chuyên gia, các tiêu chí được cân nhắc xem xét phải đảm bảo

tính hợp lý, liên quan chặt chẽ và phản ánh được một hay nhiều khía cạnh để đạt tính bền vững của mô hình. Có 03 tiêu chí đã được chỉnh sửa, và 06 tiêu chí được bổ sung. Bảng 2 tổng hợp 19 chỉ tiêu để phân tích tính bền vững của mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng.

#### **3. Kết luận:**

Áp lực phải thu gom và xử lý một khối lượng CTRSH lớn, cùng những ràng buộc về năng lực quản lý đòi hỏi Chính phủ các nước đang phát triển phải đi theo xu hướng trao quyền cho các thành phần kinh tế khác. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng và khu vực tư nhân trong QLCTRSH được xem là hướng đi đúng đắn. Hướng đi này sẽ làm giảm gánh nặng cho khu vực Chính phủ, đồng thời cũng huy động nguồn lực tài chính và nhân lực sẵn có trong cộng đồng. Để đánh giá mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng, hệ thống các tiêu chí về môi trường, kinh tế, xã hội và thể chế đã được xây dựng dựa trên lý thuyết QLCTR đô thị bền vững và lý thuyết hành động tập thể. Hệ thống các tiêu chí này bước đầu sẽ là căn cứ để phân tích các mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng trong thực tế, từ đó đề xuất các giải pháp xây dựng và vận hành mô hình theo hướng bền vững. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Đình Hương (chủ biên) (2006), *Kinh tế chất thải*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Thu Hoa (chủ nhiệm đề tài) (2012), *Đánh giá hiệu quả các dự án quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị ở Việt Nam*, đề tài khoa học cấp bộ B2010.06.152
3. Anschutz, J., (1996). *Community-Based Solid Waste Management and Water Supply Projects: Problems and Solutions Compared: A survey of the literature*. UWEP Working Document 2.
4. Bulle, S., (1999). *Issues and Results of Community Participation in Urban Environment: Comparative Analysis of Nine Projects on Waste Management*. UWEP Nieuwehaven. UWEP Working Document 11.
5. Dalla Torre, C., (1992). *Municipal Solid Waste Management in Developing countries: Problems and Issues: Need for Future Research*. No. 26. ANDEC publication. Switzerland.
6. Hardin, G., 1968. The Tragedy of the Commons. *Science* 162, 1243-1248.
7. Macur Olson, (1965), *The Logic of Collective Action*
8. Ostrom, E., (1992). *Governing the Commons: The Evolution of Institutions for Collective Action*. Cambridge University Press, U.S.A.
9. Peter Schübeler (1996), *Conceptual Framework for Municipal Solid Waste Management in Low-income Country*, UNDP/UNCHS (Habitat)/ World Bank/ SDC Collaborative Programme on Municipal Solid Waste management in Low-Income Countries
10. Virginia Maclaren & Trần Hiếu Nhuệ (chủ biên) (2005), *Quản lý tổng hợp chất thải ở Cam Pu Chia. Lào và Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.